

## Vận động trong ngày



Nguồn: Fireant

## Thay đổi chỉ số

Chỉ số trong nước	HSX	HNX
Chỉ số	1.498,28	473,99
Thay đổi (%)	0,83%	2,67%
Thay đổi	12,31	12,34
Tổng KLGD	836,32	107,83
Tổng GTGD	26.057,06	2.821,94
NĐTNN ròng (tỷ)	120,73	10,62
Tự doanh ròng (Tỷ)	265,72	-
PE	17,58	25,10

HDTL chỉ số	VN30	VN30F1
Chỉ số	1.535,71	1.537,00
Thay đổi (%)	1,06%	0,75%
Thay đổi	16,09	11,5
Basis	-1,29	

## Tăng giảm nhóm ngành

Nhóm ngành L2 (%)	Ngày	Năm
Dầu khí L2	-0,82%	92,4%
Hóa chất L2	0,11%	145,4%
Tài nguyên Cơ bản L2	1,01%	150,2%
XD và Vật liệu L2	0,95%	84,6%
Hàng & Dịch vụ CN L2	0,89%	54,3%
Ô tô và phụ tùng L2	-2,26%	65,6%
Thực phẩm và đồ uống	0,08%	32,7%
Hàng cá nhân & GD L2	0,98%	89,9%
Y tế L2	-0,11%	26,5%
Bán lẻ L2	0,31%	125,4%
Truyền thông L2	-0,34%	43,8%
Du lịch và Giải trí L2	1,03%	15,2%
Viễn thông L2	2,51%	22,2%
Điện, nước & xăng L2	-0,01%	44,8%
Bảo hiểm L2	0,99%	40,9%
Bất động sản L2	1,23%	74,5%
Dịch vụ tài chính L2	-0,64%	242,8%
Ngân hàng L2	1,76%	105,7%
CNTT L2	0,16%	114,8%

## XU HƯỚNG DÒNG TIỀN

VNIndex tăng 12,31 điểm lên mốc 1.498,28 điểm (+0,83%). Thị trường phân hóa với 229 mã tăng và 242 mã giảm. Thị trường tiếp tục phân hóa rõ rệt, dòng tiền bị rút ra khỏi nhóm cổ phiếu penny khi chỉ số VN30 giảm 0,26% và nhóm cổ phiếu VN30 tiếp tục tăng (+1,06%) tạo nên đà tăng cho chỉ số. Nhóm cổ phiếu ngân hàng tiếp tục phục hồi trên cả dòng với nhiều cổ phiếu đầu ngành tăng trưởng tích cực như: TCB (+1,42%), MBB (+1,58%), ACB (+1,77%). Sau chuỗi ngày tăng giá, nhóm cổ phiếu chứng khoán xuất hiện nhịp điều chỉnh chốt lời nhẹ tiêu biểu có các cổ phiếu đầu ngành như SSI (-1,52%), SHS (-0,98%), VND (-0,97%). Đà tăng của nhóm cổ phiếu BDS đang chững lại, nhiều cổ phiếu xuất hiện các nhịp điều chỉnh như CII, DRH. Khối ngoại tiếp tục mua ròng phiên thứ 6 liên tiếp tập trung vào cổ phiếu KBC, DXG và STB. Thị trường vẫn chưa thể chinh phục được mốc 1.500 điểm là điều dễ hiểu, tuy vậy với việc VN30 đang có dòng tiền trở lại, nhóm ngân hàng phục hồi tích cực và margin sẽ được nới trở lại vào đầu năm sau thì dòng tiền quay trở lại sẽ giúp thị trường bứt phá qua được mốc 1.500.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT &amp; KHUYẾN NGHỊ

## Phân tích kỹ thuật:

Phiên ngày 31/12 khối lượng giao dịch trên thị trường cao (lớn hơn trung bình 20 ngày), chỉ số đóng cửa ngay gần mức giá cao nhất tạo một cây nến cường lực xanh cho thấy sức mạnh của phe mua mạnh hơn so với phe bán tuy vậy vẫn chưa đủ để chinh phục được mốc 1.500. Thị trường vẫn duy trì được các quy tắc tăng giá khi đóng cửa ngay trên các đường xu hướng quan trọng là MA10 và MA20 cũng như kênh xu hướng trung hạn. Thị trường vẫn cần thời gian tích lũy và test cung nữa trước khi tiến vượt vùng đỉnh 1.500.

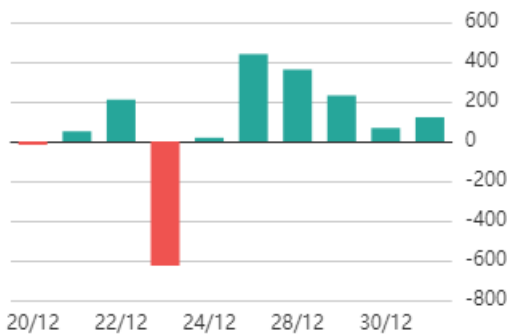
## Khuyến nghị:

**Kịch bản 1:** VN-Index tiếp tục tích lũy tạo nền vùng 1.480 – 1.490, cơ hội cơ cấu lại danh mục bán đi các cổ phiếu yếu đã mất đi xu hướng tăng giá. Chọn các cổ phiếu mạnh có câu chuyện trong năm 2022 thuộc các nhóm chủ đề đầu tư công như BDS, xây dựng hay nhóm điện.

**Kịch bản 2:** VN-Index vỡ vùng 1.480 sẽ rơi tiếp về vùng 1.460 mốc MA50.

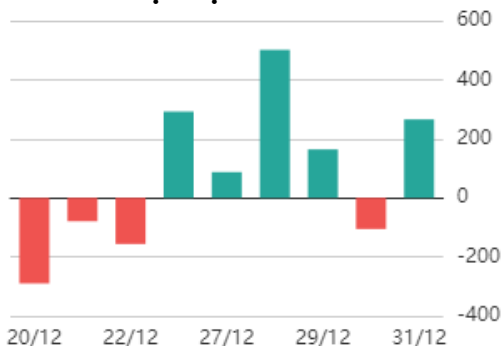


**Giao dịch nước ngoài trên HSX**



Nguồn: Fireant

**Giao dịch tự doanh trên HSX**



Nguồn: Fireant

**ĐIỂM TIN TRONG NƯỚC**

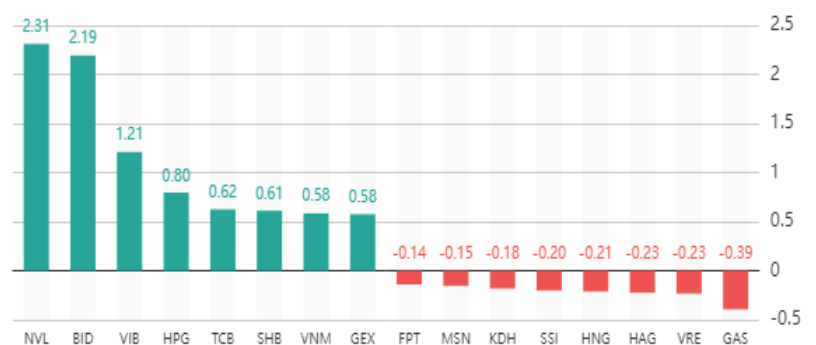
**Tin kinh tế trong nước**

- [Gói hỗ trợ mới tạo cú hích cho nền kinh tế](#)
- [Du lịch nội địa khởi sắc trong những ngày đầu năm](#)
- [Điểm sáng xuất khẩu](#)

**Tin doanh nghiệp trong nước**

- [Lộc Trời \(LTG\): Xuất khẩu gạo mang về 1.000 tỷ đồng, chiếm 24% doanh thu gạo cả năm 2021](#)
- [FLC và những dấu ấn “vượt bão” thành công trong 2021](#)
- [Ông Trần Kinh Doanh rời vị trí điều hành Bách Hóa Xanh khi chuỗi đang gặp khó về tăng trưởng](#)

**Top cổ phiếu ảnh hưởng đến chỉ số**



Nguồn: Fireant

## Chỉ số thế giới

Dow Jones	-59,78	-0,16%
DAX	0	0,00%
FTSE100	-18,47	-0,25%
Nikkei 225	0	0,00%
Hang Seng	285,66	1,22%

## Hợp đồng tương lai chỉ số

US30*	104	0,29%
DAX*	-6,2	-0,04%
FTSE100*	-23,7	-0,32%
Nikkei 225*	65	0,22%
Hang Seng*	333	1,42%

\* Số liệu của phiên liền trước

## ĐIỂM TIN KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA THẾ GIỚI

## Tin kinh tế thế giới

[Triển vọng các kênh đầu tư trong năm 2022](#)[5 xu hướng chính định hình thế giới năm 2022](#)[Lý giải nguyên nhân Omicron gây bệnh nhẹ hơn Delta](#)

## Tin hàng hóa thế giới

[Hành trình giá xăng dầu trong năm 2021](#)[Bức tranh trái ngược của giá vàng năm 2021](#)[Ngày 1.1.2022: Gas giảm cao nhất 10.000 đồng/bình 12 kg](#)

## Bảng tổng sắp thay đổi giá thị trường hàng hóa

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% ngày	% tuần	% tháng	% năm	Cổ phiếu tác động
<b>Năng lượng</b>							
Dầu WTI	USD/thùng	75,21	-2,31%	1,92%	13,64%	55,01%	GAS,BSR
Dầu Brent	USD/thùng	77,78	-2,20%	2,15%	12,35%	50,15%	GAS,BSR
Xăng	UScent/gallon	2,22	-2,92%	0,62%	14,67%	57,77%	PLX,OIL
<b>Kim loại quý</b>							
Vàng	USD/ounce	1.828,39	0,74%	1,16%	3,30%	-3,59%	PNJ
Bạc	USD/ounce	23,27	1,02%	1,82%	2,10%	-11,72%	PNJ
<b>Nông sản và gia súc</b>							
Đậu tương	UScent/gia	1.328,75	0,08%	-0,24%	8,91%	1,68%	HKB
Gạo	USD/cwt	14,64	0,45%	4,20%	4,31%	19,61%	VNM,GTN
Sữa	USD/cwt	18,42	-0,05%	-0,05%	2,11%	16,58%	
Cao su	JPY/Kg	222,80	0,00%	2,63%	-1,37%	-17,11%	DPR,PHR
Đường	UScent/lb	18,88	0,53%	-1,87%	1,51%	21,89%	SBT,LSS
Cà phê	UScent/lb	226,10	-1,20%	-2,21%	-3,07%	76,30%	CTP,DLG
Gỗ	USD/1000 board feet	1.147,90	-0,85%	9,07%	39,22%	31,47%	PTB
Heo nạc	UScent/Lbs	81,48	-1,48%	-2,10%	11,04%	15,94%	DBC
<b>Mặt hàng công nghiệp</b>							
Quặng sắt	USD/tấn	116,00	0,43%	-3,33%	16,00%	-26,81%	HSG,HPG
Thép	USD/tấn	4.548,00	-0,44%	8,80%	8,80%	7,77%	HSG,HPG

## THÔNG KÊ TRONG NGÀY

## Thống kê hợp đồng phái sinh

Mã phái sinh	Thay đổi	Mở cửa	Đóng cửa	Thấp nhất	Cao nhất	KLGD
VN30F2201	11,50 (0,75%)	1.527,7	1.537,0	1.527,3	1.542,0	106.190
VN30F2202	12,60 (0,83%)	1.529,5	1.536,8	1.527,8	1.538,6	160
VN30F2203	8,10 (0,53%)	1.523,9	1.531,9	1.523,9	1.537,0	16
VN30F2206	5,50 (0,36%)	1.525,7	1.531,3	1.525,7	1.539,0	28

## Top 5 tăng giá HSX

Mã	Giá ĐC	Thay đổi	KLGD
GEX	40,65	+2,65/+6,97%	25.614.700
FUEVN100	21,48	+1,40/+6,97%	44.700
HAX	29,2	+1,90/+6,96%	1.022.800
KHP	22,45	+1,45/+6,90%	3.311.800
SFG	18,6	+1,20/+6,90%	286.600

## Top 5 giảm giá HSX

Mã	Giá ĐC	Thay đổi	KLGD
BTT	44,65	-3,35/-6,98%	600
SVC	105,6	-7,90/-6,96%	1.000
MCP	28,5	-2,10/-6,86%	100
HAG	13,3	-0,95/-6,67%	43.159.100
EMC	17,35	-1,15/-6,22%	2.300

## Top 5 tăng giá HNX

Mã	Giá ĐC	Thay đổi	KLGD
SDN	40,7	+3,70/+10,00%	2.100
THD	277	+25,10/+9,96%	317.800
MAS	46,5	+4,20/+9,93%	500
QST	14,5	+1,30/+9,85%	400
VNT	79,2	+7,10/+9,85%	100

## Top 5 giảm giá HNX

Mã	Giá ĐC	Thay đổi	KLGD
L40	32,5	-3,50/-9,72%	200
GDW	25,2	-2,70/-9,68%	100
NST	10,3	-1,10/-9,65%	94.700
HCT	12,2	-1,30/-9,63%	100
KVC	8	-0,70/-8,05%	2.800.900

## Top mua ròng HSX

Mã	Giá ĐC	Thay đổi	KLGD
KBC	60,8	+1,80/+3,05%	1.010.900
DXG	35,0	0,00/0,00%	1.506.700
STB	31,5	+1,00/+3,28%	876.200
PNJ	96,2	+3,70/+4,00%	207.000
SAB	151,0	+2,10/+1,41%	103.500

## Top bán ròng HSX

Mã	Giá ĐC	Thay đổi	KLGD
MSN	171	-0,50/-0,29%	-313.900
FUEVFNVD	28,05	+0,25/+0,90%	-1.397.700
CTG	33,9	+0,10/+0,30%	-819.400
SCR	21,35	-0,70/-3,17%	-481.900
SSI	51,8	-0,80/-1,52%	-189.500

## DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ KHUYÊN NGHỊ

Mã cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mua	Ngày mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Giá bán	Ngày bán	Tỷ lệ %	Ghi chú
HPG	46,4	16,59	05/08/2020	30,5	20			179,7%	
CTG	33,9	27,5	01/04/2021	50	37,8			23,3%	
ACB	34,5	26,72	01/04/2021	40	31,35			29,1%	
MBB	28,9	24,6	10/05/2021	40	29			17,5%	
SSI	51,8	38,6	24/05/2021	37	50			34,2%	
TCB	50	51,1	22/07/2021	55,4	48			-2,2%	
VPB	35,8	34,75	22/07/2021	40,2	31,3			3,0%	
MBB	28,9	28,35	23/07/2021	32,6	26,5			1,9%	
MBS	40,4	29,2	22/07/2021	36	25,5			38,4%	
VND	82	43,2	22/07/2021	51	37,8			89,8%	
NLG	64,2	40	22/07/2021	50,7	36,5			60,5%	
KBC	60,8	33,1	22/07/2021	40,3	30,5			83,7%	
SZC	68	39,55	22/07/2021	43	37,5			71,9%	
FMC	52	35,3	22/07/2021	37,3	34,4			47,3%	
ANV	33,3	27	22/07/2021	33,3	24,6			23,3%	
VHC	62,8	40,55	22/07/2021	43,5	36,7			54,9%	

## DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ CHÓT

Mã cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mua	Ngày mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Giá bán	Ngày bán	Tỷ lệ %	Ghi chú
HPG	46,7	16,59	8/5/2020	30,5	20			181,5%	
CTG	32,9	27,5	4/1/2021	50	37,8			19,6%	
ACB	33,15	26,72	4/1/2021	40	31,35			24,1%	
MBB	27,6	24,6	5/10/2021	40	29			12,2%	
SSI	52	38,6	5/24/2021	37	50			34,7%	
TCB	49,7	51,1	7/22/2021	55,4	48			-2,7%	
VPB	56,3	60,8	7/22/2021	70,5	54,8			-7,4%	
VHM	78,2	84,19	22/07/2021	90	78		21/09/2021	-7,1%	Cắt lỗ

## HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ CỦA VIETFIRST

Hệ thống khuyến nghị của VFS được xây dựng dựa trên sự chênh lệch giữa giá cổ phiếu thị trường tại thời điểm đánh giá và giá mục tiêu 12 tháng

Hệ thống khuyến nghị	Diễn giải
MUA	Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường từ 15% trở lên
THEO DÕI	Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường từ 5 – 15%
NẮM GIỮ	Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường không quá 5%
BÁN	Nếu giá mục tiêu thấp hơn giá thị trường tối thiểu 5%

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

Nguyễn Minh Hoàng	Chuyên viên phân tích cao cấp	hoang.nguyenminh@vfs.com.vn
Vũ Thị Hà Phương	Chuyên viên phân tích	phuong.vu@vfs.com.vn
Nguyễn Hoàng Long	Chuyên viên phân tích	long.nguyen@vfs.com.vn
Trần Minh Quân	Chuyên viên phân tích	quan.tran@vfs.com.vn

## © CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT (VFS)

### Hội sở Hồ Chí Minh

Lầu 1, 117 - 119 - 121 Nguyễn Du, P. Bến Thành, Q. 1, TP. HCM

Điện thoại: **(84-8) 62556586** Fax: **(84-8) 62556580**

Website: [www.vfs.com.vn](http://www.vfs.com.vn)

### Chi nhánh Hà Nội

Tầng 9B, Tòa nhà Leadvisors place, 41A Lý Thái Tổ, P. Lý Thái Tổ, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: **(84-4) 39288222** – Ext: **117** Fax: **(84-4) 39338222**

**Tuyên bố miễn trách nhiệm:** Bản quyền thuộc về Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt (VFS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VFS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VFS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VFS.